

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 272/2020/HS-ST

Ngày: 07/7/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Nhà văn hóa tổ 6, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 288/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị H (tên gọi khác HM) sinh ngày 07/12/1999, tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: xóm TL, xã LS, TPTN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: không nghề; Con ông: không xác định được bố; Con bà: Trần Thị H (đã chết); Bị cáo là con duy nhất; chưa có chồng, con; tiền sự: không

Nhân thân: 09

+ Tại Quyết định số 02/QĐ-XPHC ngày 10/9/2012 bị Công an xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 12/10/2012, UBND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quyết định đưa Trần Thị H đi Trường Giáo dưỡng số 2, thời hạn 24 tháng. Ngày 26/01/2014 chấp hành xong;

+ Tại Quyết định số 02^A/QĐ-XPVPHC ngày 30/4/2014, Công an xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, (nay là thành phố Thái Nguyên) tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại Quyết định số 0002818/QĐ-XPHC ngày 30/5/2016 Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại Quyết định số 0001876 ngày 10/3/2016 Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản”. BL 91

+ Tại bản án số 06/2017/HSST ngày 13/01/2017 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 301/2017/HSST ngày 22/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 302/2017/HSST ngày 22/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

+Tại bản án số 427/2017/HSST ngày 27/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với các bản án số 301/2017/HSST ngày 22/8/2017 và bản án số 302/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên buộc Trần Thị H chấp hành hình phạt chung cho cả ba bản án là 36 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 20/11/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2020 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Anh Phan Thanh T, sinh năm 1992 (có mặt)

HKTT: xóm ĐR, xã ÔL, H, PL, TN;

Chỗ ở: tổ r, phường TT, TPTN.

*** Người làm chứng:**

1) Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Trú tại: tổ u, phường PX, TPTN

2) Ông Nguyễn Văn N (tên gọi khác P), sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: tổ v, phường TL, TPTN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/4/2020, Trần Thị H đi vào khu vực trường Đại học Thái Nguyên để chơi, do gặp trời mưa nên trú mưa ở cửa quán Cà phê thuộc tổ o, phường TT, TPTN. Khi đang trú mưa H nhìn thấy anh Phan Thanh Th, sinh năm 1992, trú tại: xóm ĐR, xã ÔL, huyện PL, TN cũng đứng trú mưa nên H bắt chuyện làm quen. Trong quá trình nói chuyện H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S của anh T đang sử dụng nên H mượn điện thoại của anh T để gọi điện cho người đến đón, anh T không nghi ngờ gì và đồng ý đưa cho H mượn chiếc điện thoại OPPO A3S màu

đen. Một lúc sau H nhờ anh T dẫn về phòng trọ của anh T ở tổ j, phường TT, TPTN để H đi vệ sinh, sau đó H tiếp tục nói với T đi ra docks ở gần cổng nhà trọ để bắt Wifi thì cả hai cùng ra cổng đứng, trong lúc đứng bắt wifi thì H nói dối anh T là H đói, nhờ anh T đi mua bánh mỳ, quá trình H ăn bánh mỳ thì kêu khát nước nên nhờ anh T đi mua nước uống, T tiếp tục đi mua nước cho H. Thấy anh T đi mua nước, H nhanh chóng cầm điện thoại của anh T bỏ đi và thuê một người đàn ông lạ mặt là xe ôm, không quen biết chở đến Ngã ba MB. Do không có tiền trả tiền xe ôm nên H đã bán chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của anh T cho người đàn ông lạ mặt đó với giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) lấy tiền trả xe ôm và lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện mình bị chiếm đoạt tài sản, anh Phan Thanh T đã đến cơ quan Công an phường TT trình báo sự việc. Ngày 13/4/2020 tổ công tác Công an phường TT kiểm tra thấy H điều khiển xe kiệu Dream BKS 20B1-40235 nhãn hiệu Honda không đội mũ bảo hiểm nên đã kiểm tra, tại công an phường TT H đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận số 79/HĐĐGTS ngày 19/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên, kết luận trị giá chiếc điện thoại OPPO A3S màu đen, đã qua sử dụng là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 292/CT-VKSTPTN ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị H thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, bị hại Phan Thanh T xác định lời khai của H tại phiên tòa là đúng, yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại đã lấy và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo H từ 12-15 tháng tù giam, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Phan Thanh T 2.300.000 đồng. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Phần tranh luận: Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm của mình là sai, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở thành người công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai người bị hại. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trần Thị H do lười lao động cần có tiền tiêu sài cá nhân ngày 02/4/2020 trong quá trình đứng trú mưa nhìn thấy anh Phan Thanh T sử dụng điện thoại nên đã làm quen và mượn điện thoại. Quá trình mượn được điện thoại H đã đưa ra thông tin gian dối để anh T tin tưởng đưa về khu nhà trọ, nhờ anh T đi mua đồ ăn, nước uống để lợi dụng anh T đi mua nước thì H bỏ đi cầm theo chiếc điện thoại OPPO A3S màu đen của anh T sau đó mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[3] Với mục đích chiếm đoạt tài sản, H đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh T để bán tiêu sài, qua định giá xác định tài sản chiếm đoạt là 2.300.000 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tại phiên tòa anh T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại bản án số 427/2017/HSST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 20/11/2019, tuy nhiên tại thời điểm kết án năm 2017 bị cáo dưới 18 tuổi, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đó được coi là không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự do đó bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý hành chính cũng như nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản tuy nhiên bị cáo không lấy đó là bài học rèn luyện, tu dưỡng mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội, do đó Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc điện thoại chưa thu hồi được, anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do đó cần buộc bị cáo bồi thường giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 2.300.000đ.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...." do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với tài sản cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc mô tô biển kiểm soát 20B1- 402.35 nhãn hiệu VECSTAR số máy FMG3 *10560164, số khung 0011S* 00132279 đã qua sử dụng, bị cáo H xác định mượn của một người tên L ở CH nhưng đến nay cơ quan điều tra chưa xác định được tên tuổi lai lịch, địa chỉ. Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên chủ xe Nguyễn Văn N, sinh năm 1965, trú tại phường PX, TPTN. Quá trình điều tra anh N xác định đã bán chiếc xe trên cho P ở cửa hàng mua bán xe năm 2013 với giá 2.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra anh Nguyễn Văn N (tên thường gọi là P) xác định khoảng 06 năm trước có mua xe của ông N tuy nhiên sau đó có bán cho người khác nhưng không nhớ là ai. Quá trình điều tra xác định chiếc mô tô trên không phải là vật chứng vụ án do đó cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu và tiếp tục điều tra làm rõ. Đối với người mua điện thoại của bị cáo H, đến nay không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ để xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H (tên khác HM) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H (tên khác HM) 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Trần Thị H (tức HM) 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357, 468, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thị H (tức HM) bồi thường cho anh Phan Thanh T số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Về lãi suất: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị H (tức HM) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Thị H (HM), bị hại Phan Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo; Người TGT;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền